

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2
CHƯƠNG II	2
HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ	2
Điều 3. Nguyên tắc chung về hỗ trợ tài chính của Quỹ.....	2
Điều 4. Cho vay ưu đãi	3
Điều 5. Hỗ trợ lãi suất vay	3
Điều 6. Bảo lãnh để vay vốn	3
Điều 7. Hỗ trợ vốn.....	4
Điều 8. Nguồn kinh phí hỗ trợ tài chính của Quỹ.....	4
CHƯƠNG III.....	5
QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	5
CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5
CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5
Điều 9. Nguyên tắc chung.....	5
Điều 10. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ	5
Điều 11. Kinh phí thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ	7
CHƯƠNG IV.....	7
XÂY DỰNG, KÝ KẾT VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN.....	7
CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ	7
Điều 12. Mục tiêu, nguyên tắc hợp tác	7
Điều 13. Lựa chọn đối tác, phê duyệt và ký kết văn bản hợp tác	8
Điều 14. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình hợp tác	9
CHƯƠNG V.....	9
TIẾP NHẬN NGUỒN VỐN TỪ TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ HỢP PHÁP, ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN VÀ NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC.....	9
Điều 15. Nguyên tắc, hình thức tiếp nhận tài trợ, đóng góp	9

Điều 16. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt và ký kết tài trợ, đóng góp.....	10
Điều 17. Tiếp nhận, quản lý và điều chỉnh khoản tài trợ, đóng góp.....	Error!
Bookmark not defined.	
CHƯƠNG VI.....	11
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	11
Điều 18. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động	11
Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.....	11
Điều 20. Trách nhiệm của Quỹ	12
Điều 21. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và đối tác của Quỹ	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành	13

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
2021.06.28

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý các hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý các hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi là Quyết định 04/2021/QĐ-TTg) gồm các hoạt động: hỗ trợ tài chính; thực hiện các chương trình, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ giao; hợp tác hỗ trợ đổi mới công nghệ; tiếp nhận tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện; chế độ thông tin.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư bao gồm:

a) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi chung là Quỹ);

b) Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Quỹ quy định tại Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị quản lý Chương trình* là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao chủ trì tổ chức quản lý và triển khai triển khai Chương trình bao gồm quản lý nhiệm vụ và quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

2. *Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý kinh phí) là Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được giao quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động tổ chức triển khai Chương trình.

3. *Đối tác trong nước (nước ngoài) của Quỹ* (gọi chung là Đối tác của Quỹ) là tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước (nước ngoài) hợp tác với Quỹ trong việc cùng hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ và các hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

4. *Cơ quan điều hành Quỹ* gồm Giám Đốc Quỹ, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và văn phòng đại diện.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 3. Nguyên tắc chung về hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Quỹ hỗ trợ tài chính đúng nguyên tắc, mục đích, đối tượng và điều kiện theo quy định tại Quyết định 04/2021/QĐ-TTg, đem lại hiệu quả và tác động rõ rệt cho đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, có tác dụng lan tỏa cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác.

2. Quỹ hỗ trợ tài chính cho các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu, ứng dụng,

chuyên giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ đảm bảo công khai, minh bạch và bình đẳng.

3. Quỹ hỗ trợ tài chính bảo đảm an toàn vốn điều lệ đối với hoạt động cho vay ưu đãi và bảo lãnh để vay vốn.

Điều 4. Cho vay ưu đãi

1. Đối tượng và điều kiện cho vay ưu đãi

a) Đối tượng và điều kiện cho vay trực tiếp được thực hiện theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 14 và Khoản 1 Điều 27 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg;

b) Nguyên tắc, điều kiện cho vay gián tiếp được thực hiện theo Điều 17 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

2. Lãi suất, mức, thời hạn và phí cho vay ưu đãi

a) Lãi suất, mức cho vay trực tiếp, thời hạn cho vay trực tiếp và đảm bảo tiền vay trực tiếp của Quỹ được thực hiện theo Điều 15 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg;

b) Lãi suất, mức, thời hạn và phí cho vay gián tiếp được thực hiện theo Điều 18 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thỏa thuận cho vay ưu đãi

a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thỏa thuận cho vay trực tiếp được thực hiện theo Điều 14, Điều 15 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan;

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thỏa thuận cho vay gián tiếp được thực hiện theo Điều 18 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan.

4. Việc xử lý rủi ro hoạt động cho vay trực tiếp của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc được quy định tại khoản 1 Điều 31 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Hỗ trợ lãi suất vay

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 20 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

2. Phương thức và mức hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 21 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 22 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan.

Điều 6. Bảo lãnh để vay vốn

1. Đối tượng và điều kiện bảo lãnh để vay vốn được thực hiện theo Điều 23

Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

2. Mức bảo lãnh, phí bảo lãnh để vay vốn được thực hiện theo Điều 24 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

3. Giới hạn cấp bảo lãnh để vay vốn được thực hiện theo Điều 25 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp bảo lãnh để vay vốn được thực hiện theo quy định về quản lý do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành theo Điều 26 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan.

5. Việc xử lý rủi ro hoạt động bảo lãnh để vay vốn của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc được quy định tại khoản 1 Điều 31 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Hỗ trợ vốn

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ vốn

a) Đối tượng được Quỹ xét chọn hỗ trợ vốn là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 27 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg;

b) Điều kiện hỗ trợ vốn được thực hiện theo Khoản 2 Điều 27 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

2. Phương thức và mức hỗ trợ vốn

a) Quỹ hỗ trợ vốn theo hình thức tài trợ không hoàn lại một phần hoặc toàn bộ vốn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Mức hỗ trợ vốn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Khoản 2 Điều 28 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn thực hiện theo quy định tại Điều 29 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan.

Điều 8. Nguồn kinh phí hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Quỹ thực hiện hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Cơ quan điều hành Quỹ xây dựng trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phê duyệt theo kế hoạch hàng năm hoặc kế hoạch trung hạn của Quỹ.

2. Kinh phí để thực hiện các hoạt động cho vay ưu đãi và bảo lãnh để vay vốn từ nguồn vốn điều lệ của Quỹ được quy định tại Khoản 1 Điều 34 Quyết

định 04/2021/QĐ-TTg.

3. Kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ vốn và hỗ trợ lãi suất vay được quy định tại điểm b, điểm c và điểm d Khoản 2 Điều 34 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Nguyên tắc chung

1. Chương trình khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (sau đây gọi tắt là Chương trình) và được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Quỹ quản lý và triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Việc lựa chọn, quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình phải phù hợp với mục tiêu và đáp ứng đúng quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ, quản lý tài chính đối với các Chương trình. Nội dung của nhiệm vụ thuộc Chương trình bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp với các nhiệm vụ đã được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Quỹ quản lý và triển khai thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ cấp bách, đảm bảo đúng các quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thực hiện quản lý Chương trình

Quỹ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện:

a) Hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ, xây dựng và trình lãnh đạo Bộ phê duyệt danh mục nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

c) Trình lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

d) Trình lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ, kinh phí thực hiện các hoạt động chung thuộc Chương trình;

đ) Tổng hợp và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ dự toán kinh phí của Chương trình để cân đối trong tổng dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ;

e) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện và quyết định việc điều chỉnh trong quá trình thực hiện;

g) Xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

h) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện dự án và xử lý tài sản nhiệm vụ thuộc Chương trình. Tổ chức phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình;

i) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết và tổng kết việc thực hiện Chương trình;

k) Tổ chức triển khai hoạt động chung thuộc Chương trình.

2. Thực hiện quản lý tài chính Chương trình

Quỹ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ các đơn vị liên quan làm thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình;

b) Phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ thực hiện việc xác định nhiệm vụ; tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ; thực hiện thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Quỹ thực hiện quản lý và triển khai Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

4. Căn cứ chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

của đất nước, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng khung một số Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và phê duyệt.

Điều 11. Kinh phí thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đảm bảo từ các nguồn: Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp về Quỹ hàng năm được quy định tại điểm a, Khoản 2 Điều 34 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg; Vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình; Chương trình hợp tác; Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và quyết định nhu cầu sử dụng vốn của Quỹ từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

CHƯƠNG IV

XÂY DỰNG, KÝ KẾT VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Điều 12. Mục tiêu, nguyên tắc hợp tác

1. Quỹ và đối tác của Quỹ xây dựng các chương trình hợp tác hỗ trợ đổi mới công nghệ (sau đây gọi tắt là Chương trình hợp tác) nhằm mục tiêu:

a) Nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài (tài chính, công nghệ, sở hữu trí tuệ và nhân lực công nghệ trình độ cao);

b) Nâng cao năng lực của Quỹ về quản trị bộ máy, hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện cơ chế chính sách về nghiệp vụ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn;

c) Thúc đẩy hợp tác trong hỗ trợ doanh nghiệp giải mã, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ giữa các nhà khoa học và công nghệ, các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế, tạo dựng môi trường hợp tác nhằm nâng cao

năng lực công nghệ quốc gia;

d) Tăng cường kết nối, phát triển mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc hợp tác:

a) Các bên tham gia Chương trình hợp tác có nghĩa vụ và trách nhiệm bình đẳng trong việc triển khai các công việc có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, có thể có sự tham gia của nhiều ngành khoa học và công nghệ;

b) Việc xác định chương trình hợp tác phải phù hợp với mục, định hướng ưu tiên, kế hoạch và kinh phí hoạt động của Quỹ;

c) Quỹ ưu tiên lựa chọn, hợp tác với các tổ chức có uy tín, có tiềm lực, kinh nghiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ, cam kết đóng góp tài chính cho Chương trình hợp tác;

d) Đối với các chương trình hợp tác có đối tác nước ngoài tham gia cần đảm bảo tuân thủ luật pháp của các nước tham gia, các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế có liên quan.

Điều 13. Lựa chọn đối tác, phê duyệt và ký kết văn bản hợp tác

1. Quỹ tiến hành tìm kiếm, lựa chọn đối tác phù hợp, đàm phán xác định chương trình hợp tác, các nội dung hợp tác và tiến hành xây dựng dự thảo văn bản hợp tác theo các quy định hiện hành.

2. Hợp tác trong nước:

a) Thủ tục xin ý kiến, chuẩn bị ký kết văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý các hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ ký văn bản hợp tác với đối tác trong nước của Quỹ.

3. Hợp tác có sự tham gia của đối tác nước ngoài:

a) Thủ tục xin ý kiến, chuẩn bị ký kết văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý các hoạt động đối ngoại của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ ký văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài của Quỹ.

Điều 14. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình hợp tác

1. Tổ chức triển khai thực hiện

a) Đối với các Chương trình hợp tác có sử dụng ngân sách nhà nước, Quỹ tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện theo quy định quản lý các Chương trình tại Chương III Thông tư này'

a) Đối với các Chương trình hợp tác không sử dụng ngân sách nhà nước, Quỹ triển khai thực hiện Chương trình hợp tác theo thỏa thuận hợp tác hai bên đã ký.

2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký kết hợp tác, Quỹ có trách nhiệm công bố thông tin về Chương trình hợp tác và các nội dung liên quan trên Trang thông tin điện tử của Quỹ và tại trụ sở Quỹ.

3. Kinh phí thực hiện các Chương trình hợp tác được đảm bảo từ các nguồn: kinh phí từ kết quả hoạt động của Quỹ; kinh phí hình thành từ các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài dành cho Quỹ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình hợp tác.

CHƯƠNG V

TIẾP NHẬN NGUỒN VỐN TỪ TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ HỢP PHÁP, ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN VÀ NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC

Điều 15. Nguyên tắc, hình thức tiếp nhận tài trợ, đóng góp

1. Nguyên tắc tiếp nhận nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện và nguồn vốn hợp pháp khác

a) Quỹ được tiếp nhận nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện và nguồn vốn hợp pháp khác (sau đây gọi tắt là tài trợ, đóng góp) của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài dành cho Quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 và điểm c Khoản 2 Điều 34 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg;

b) Việc tài trợ, đóng góp cho Quỹ phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch;

c) Quỹ không được tiếp nhận tài trợ, đóng góp gây phương hại đến lợi ích

quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật;

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và phù hợp với nguyên tắc quản lý và sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ;

đ) Nhà tài trợ, bên viện trợ hợp pháp, bên đóng góp tự nguyện và bên đóng góp nguồn vốn hợp pháp khác (sau đây gọi tắt là nhà tài trợ, bên đóng góp) phải tự đảm bảo và tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính hợp pháp của khoản tài trợ, đóng góp cho Quỹ.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt đối với các khoản tài trợ, đóng góp hợp pháp khác từ đối tác nước ngoài và giao Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thực hiện;

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp hợp pháp khác từ đối tác trong nước và giao Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thực hiện.

Điều 16. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt và ký kết tài trợ, đóng góp

1. Chuẩn bị hồ sơ tài trợ, đóng góp

a) Đối với khoản tài trợ, đóng góp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Quỹ chủ trì, phối hợp với các tổ chức trong nước và nhà tài trợ, bên đóng góp chuẩn bị văn bản, hồ sơ tài trợ, đóng góp theo quy định hiện hành;

b) Đối với khoản tài trợ, đóng góp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ: Quỹ chủ trì chuẩn bị văn bản, hồ sơ tài trợ, đóng góp theo quy định hiện hành.

2. Thẩm định khoản tài trợ, đóng góp

a) Bộ Khoa học và Công nghệ giao một đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm định khoản tài trợ, đóng góp của đối tác nước ngoài;

b) Quỹ chủ trì tổ chức thẩm định khoản tài trợ, đóng góp của đối tác trong nước;

c) Đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định có thể mời các đơn vị chuyên môn, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định văn bản, hồ sơ

khoản tài trợ, đóng góp.

3. Phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp của đối tác nước ngoài. Trường hợp khoản tài trợ, đóng góp không đủ điều kiện tiếp nhận, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo cho bên đóng góp, bên ủy thác về việc không tiếp nhận;

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp trong nước. Trường hợp khoản tài trợ, đóng góp không đủ điều kiện tiếp nhận, Quỹ thông báo cho Nhà tài trợ, Bên đóng góp về việc không tiếp nhận.

4. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế tổ chức quản lý và triển khai thực hiện tiếp nhận nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện và nguồn vốn hợp pháp khác.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động

1. Quỹ phải công bố định kỳ những thông tin cơ bản về quỹ và các thông tin bất thường trong quá trình hoạt động trên cổng thông tin của Quỹ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 41 Quyết định 04/2021/QĐ-TTg.

2. Các loại báo cáo định kỳ 6 tháng, năm theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ vốn và hỗ trợ lãi suất vay theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo tình hình cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp và bảo lãnh để vay vốn theo Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hợp tác, tiếp nhận tài trợ, đóng góp theo Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo trên.

4. Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Quỹ. Chủ trì hoàn thiện, sửa

đôi, bổ sung văn bản pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ và ban hành theo thẩm quyền.

2. Quản lý, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá toàn diện các hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn và Thông tư này.

3. Hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ.

4. Giao Quỹ quản lý và triển khai thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ; bảo đảm kinh phí cho Quỹ để thực hiện các Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; các nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ; các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài dành cho Quỹ; và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thông tin, tìm kiếm, xét chọn Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Chương trình hợp tác và các nội dung liên quan để Quỹ hỗ trợ tài chính, thẩm định tài chính, quản lý quá trình thực hiện và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện công khai, minh bạch.

3. Hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và nước ngoài theo quy định của Thông tư này và quy định hiện hành.

4. Thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng hướng dẫn quản lý nhiệm vụ và quản lý tài chính do cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 20. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và đối tác của Quỹ

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích đã được Quỹ phê duyệt; thực hiện đầy đủ các cam kết với Quỹ, các chế độ do Quỹ quy định; kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án phải được công bố theo quy định của Quỹ; tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nhà tài trợ, bên đóng góp phải tự đảm bảo và tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính hợp pháp của khoản tài trợ, đóng góp, ủy thác cho Quỹ.

3. Các đối tác của Quỹ, cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định hồ sơ tiếp nhận tài trợ, đóng góp có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này nếu được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, NATIF.

BỘ TRƯỞNG

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA QUỸ NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BKHHCN ngày / /2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung tài trợ	Mục tiêu	Tổng kinh phí	Tổng mức tài trợ	Giải ngân	Ghi chú
1	Chương trình					
	<i>(Chi tiết các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình)</i>					
					
2	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
	<i>(Chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ)</i>					
					
	Tổng số					

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VỐN, HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY
TỪ NGUỒN VỐN CỦA QUỸ NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BKHCN ngày / /2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung tài trợ	Mục tiêu	Tổng kinh phí	Tổng mức tài trợ	Giải ngân	Ghi chú
1	Hỗ trợ vốn					
	<i>(Chi tiết các dự án)</i>					
					
2	Hỗ trợ lãi suất vay					
	<i>(Chi tiết các dự án)</i>					
					
	Tổng số					

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY TRỰC TIẾP, CHO VAY GIÁN TIẾP
VÀ BẢO LÃNH ĐỀ VAY VỐN**

Quý năm

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BKHCN ngày / /2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị vay vốn (tên dự án)	Số giải ngân cho vay		Số thu nợ		Số dư			Số lãi phải thu từ đầu năm đến kỳ b/cáo	Số lãi đã thu từ đầu năm đến kỳ b/cáo
		Trong kỳ	Từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Nợ đủ tiêu chuẩn	Nợ quá hạn	Nợ khó đòi, khoanh nợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Quỹ cho vay trực tiếp									
									
II	Quỹ cho vay gián tiếp									
									
III	Quỹ bảo lãnh đề vay vốn									
									
	Tổng cộng									

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐÓNG GÓP
VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

Quý năm

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BKHHCN ngày / /2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mục tiêu	Tổng kinh phí	Kinh phí đối ứng (nếu có)	Giải ngân	Ghi chú
1	Tiếp nhận tài trợ					
	<i>(Chi tiết các dự án)</i>					
					
2	Tiếp nhận đóng góp					
	<i>(Chi tiết các dự án)</i>					
					
3	Hợp tác					
	Tổng số					

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)